TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN CHÂU THNH
TỈNH TÂY NINH

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bản án số: 39/2021/HS-ST
Ngày 23-6-2021

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN CHÂU THNH, TỈNH TÂY NINH

- ***THnh phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:***
Tham phán - Chủ tọa phiên tòa: ông Nguyễn Quốc Hùng.
Các Hội tham nhân dân:
Ông Phan Văn Hoàng;
Ông Nguyễn Văn Vân.
- ***Thư ký phiên tòa:*** ông Huỳnh Thanh Hải- Thẩm tra viên Tòa án nhân dân huyện Châu THnh, tỉnh Tây Ninh.
- ***Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Châu THnh, tỉnh Tây Ninh tham gia phiên tòa:*** ông Võ Hoàng Nhân - Kiểm sát viên.

Ngày 23 tháng 6 năm 2021, tại trụ S Tòa án nhân dân huyện Châu Thành, tỉnh Tây Ninh xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự thụ lý số 27/2021/TLST-HS ngày 27 tháng 4 năm 2021 theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 33/2021/QĐXXST-HS ngày 24 tháng 5 năm 2021 và Quyết định hoãn phiên tòa số 10/2021/HSST-QĐ ngày 08 tháng 6 năm 2021 đối với bị cáo:

1. **Đào Văn H** (tên gọi khác: M), sinh năm 1974, tại tỉnh Ninh Bình; Nơi đăng ký HKTT: Xóm n, xã H, huyện K, tỉnh Ninh Bình; Chỗ ở hiện nay: ấp L, xã B, huyện C, tỉnh Tây Ninh; Nghề nghiệp: Không có; Trình độ văn hoá (học vấn): 07/12; Dân tộc: Kinh; Giới tính: Nam; Tôn giáo: Không; Quốc tịch: Việt Nam; Con ông Đào Xuân T (chết) và bà Phạm Thị N; Có vợ tên Phạm Thị H và 03 người con (lớn nhất sinh năm 1999, nhỏ nhất sinh năm 2006); Tiền án, tiền sự: Không. Bị cáo bị tạm giữ từ ngày 26/11/2020 đến ngày 23/02/2021 được thay thế bằng biện pháp ngăn chặn bảo lĩnh. Bị cáo tại ngoại. "Có mặt".

2. **Phạm Thị H** (tên gọi khác: L), sinh năm 1978, tại tỉnh Ninh Bình; Nơi đăng ký HKTT: Xóm n, xã H, huyện K, tỉnh Ninh Bình; Chỗ ở hiện nay: ấp L, xã B, huyện C, tỉnh Tây Ninh; Nghề nghiệp: Lao động tự do; Trình độ văn hoá (học vấn): 08/12; Dân tộc: Kinh; Giới tính: Nữ; Tôn giáo: Không; Quốc tịch: Việt Nam; Con ông Phạm Văn C (chết) và bà Nguyễn Thị T; Có chồng tên Đào Văn H và 03 người con (lớn nhất sinh năm 1999, nhỏ nhất sinh năm 2006); Tiền án, tiền sự: Không. Bị cáo bị tạm giữ từ ngày 07/12/2020 đến ngày 04/02/2021 được thay thế bằng biện pháp ngăn chặn bảo lĩnh. Bị cáo tại ngoại. "Có mặt".

- ***Người có quyền lợi, nghĩa vụ l quan đến vụ án:***

1. Anh Phan THnh T, sinh năm 1992; địa chỉ: ấp S, xã T, huyện C, tỉnh Tây

Ninh.

2. Chị Nguyễn Thị Kim L, sinh năm 1980; địa chỉ: ấp L, xã v, huyện C, tỉnh Tây Ninh.

3. Bà Bùi Thị Ngọc E, sinh năm 1968; địa chỉ: ấp L, xã v, huyện C, tỉnh Tây Ninh.

4. Chị Nguyễn Thị Ngọc D, sinh năm 1984; địa chỉ: ấp L, xã G, huyện B, tỉnh Tây Ninh.

5. Bà Trần Thị K, sinh năm 1962; địa chỉ: ấp P, xã v, huyện C, tỉnh Tây Ninh.

6. Bà Bùi Thị Ngọc T, sinh năm 1973; địa chỉ: ấp P, xã v, huyện C, tỉnh Tây Ninh.

7. Bà Hoàng Thị P, sinh năm 1960; địa chỉ: ấp L, xã v, huyện C, tỉnh Tây Ninh.

8. Chị Nguyễn Minh T, sinh năm 1987; địa chỉ: khu phố Ti, phường B, thị xã H, tỉnh Tây Ninh.

9. Chị Trương Thị L, sinh năm 1985; địa chỉ: ấp H, xã Đ, huyện C, tỉnh Tây Ninh.

10. Chị Trương Thị L, sinh năm 1982; địa chỉ: ấp H, xã Đ, huyện C, tỉnh Tây Ninh.

11. Chị Châu Nhật T, sinh năm 1981; địa chỉ: ấp P, xã Đ, huyện C, tỉnh Tây Ninh.

12. Chị Nguyễn Hồng L, sinh năm 1993; địa chỉ: ấp B, xã N, thị xã H, tỉnh Tây Ninh.

13. Chị Nguyễn Thị T K, sinh năm 1981; địa chỉ: ấp L, xã v, huyện C, tỉnh Tây Ninh.

14. Bà Trần Thị S, sinh năm 1971; địa chỉ: ấp P, xã p, huyện B, tỉnh Tây Ninh.

15. Bà Nguyễn Thị Ngọc Đ, sinh năm 1968; địa chỉ: ấp T, xã Đ, huyện C, tỉnh Tây Ninh.

16. Chị Cao Lê Ngọc H, sinh năm 1994; địa chỉ: ấp T, xã Đ, huyện C, tỉnh Tây Ninh.

17. Chị Cao Thị H, sinh năm 1994; địa chỉ: ấp Đ, xã T, huyện C, tỉnh Tây Ninh.

18. Bà Phạm Thị T, sinh năm 1957; địa chỉ: ấp T, xã M, tHnh phố T., tỉnh Tây Ninh.

19. Bà Nguyễn Thị M, sinh năm 1961; địa chỉ: ấp T, xã Đ, huyện C, tỉnh Tây Ninh.

(Bà Tấm, bà Đ, chị H, chị L, chị L, chị K, bà M có đơn yêu cầu xét xử vắng mặt; Phan THnh T, Nguyễn Thị Kim L, Bùi Thị Ngọc E, Nguyễn Thị Ngọc D, Trần Thị K, Bùi Thị Ngọc T, Hoàng Thị P, Nguyễn Thị Minh T, Châu Nhật T, Nguyễn Hồng L, Trần Thị S, Cao Thị H vắng mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ S vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ

án được tóm tắt như sau:

Vào khoảng tháng 3/2020, vợ chồng Đào Văn H và Phạm Thị H có hộ khẩu thường trú tại xã An Hòa, huyện Kim Sn, tỉnh Ninh Bình, đến thuê nH ở tại ấp B, xã T, huyện C, tỉnh Tây Ninh để hoạt động cho nhiều người vay tiền với lãi suất cao nhằm thu lợi bất chính. Khi có người cần vay tiền, H và H gặp trực tiếp người vay để thỏa thuận về việc cho vay, hình thức cho vay trả góp thu gốc lẫn lãi hàng ngày hoặc cho vay trả nguyên gốc thu lãi hàng ngày (tiền đứng). Người vay tiền cung cấp họ tên, địa chỉ, số điện thoại để H và H l lạc thu tiền. Hàng ngày, vợ chồng H, H dùng xe mô tô biển số 70G1-609.05 của mình chạy đến nH người vay hoặc điện thoại đến điểm hẹn để nhận tiền, sau đó về nH ghi vào sổ theo dõi quản lý.

Theo thỏa thuận, hình thức vay trả góp hàng ngày với các khoản tiền từ 3.000.000 đồng đến 5.000.000 đồng/01 lần vay/01 người, thời hạn vay là 25 đến 31 ngày/01 lần vay, do người vay lựa chọn, khi cho vay có tính phí tương ứng với số tiền 150.000 đồng đến 250.000 đồng/01 lần vay. Khoản vay góp có lãi suất thấp nhất là vay 5.000.000 đồng, tiền phí 300.000 đồng, trả góp 200.000 đồng/ngày, thời hạn trả 31 ngày, tổng số tiền phải trả khi đến hạn là 6.200.000 đồng, tương ứng với lãi suất 23%/tháng, tương ứng với lãi suất 276%/năm (gấp 13,8 lần so với mức lãi suất cao nhất quy định tại Điều 468 Bộ luật Dân sự). Khoản vay góp có lãi suất cao nhất là vay 3.000.000 đồng, tiền phí 250.000 đồng, trả góp 150.000 đồng/ngày, thời hạn trả 26 ngày, tổng số tiền phải trả khi đến hạn là 3.900.000 đồng, tương ứng với lãi suất 35%/tháng, tương ứng 420%/năm (gấp 21 lần so với mức lãi suất cao nhất quy định tại Điều 468 Bộ luật Dân sự).

Hình thức vay tiền đứng thì đóng lãi hằng ngày với các khoản tiền từ 12.500.000 đồng đến 25.000.000 đồng/01 lần vay/01 người, không tính phí vay. Điển hình như, khoản vay tiền đứng có lãi thấp nhất là vay 12.500.000 đồng, trả tiền lãi 187.000/ngày, tương ứng với lãi suất 45%/tháng, tương ứng với lãi suất 540%/năm (gấp 27 lần so với mức lãi suất cao nhất quy định tại Điều 468 Bộ luật Dân sự). Khoản vay tiền đứng có lãi cao nhất là vay 25.000.000 đồng, trả tiền lãi 500.000/ngày, tương ứng với lãi suất 60%/tháng, tương ứng với lãi suất 720%/năm (gấp 36 lần so với mức lãi suất cao nhất quy định tại Điều 468 Bộ luật Dân sự).

Từ tháng 3 đến tháng 11-2020, trên địa bàn huyện Châu THnh, Bến Cầu, thị xã Hòa THnh và tHnh phố Tây Ninh, tỉnh Tây Ninh, vợ chồng H, H đã cho 19 người/66 lượt vay, với tổng số tiền cho vay 356.500.000 đồng, tiền lãi tối đa được phép thu theo quy định của Bộ luật dân sự là 7.272.657 đồng. Trong thời gian trên vợ chồng H, H đã nhận tiền phí và lãi của 19 người là 190.880.878 đồng, thu lợi bất chính tổng số tiền 183.608.222 đồng, (trong đó tiền phí là 14.850.000 đồng, tiền lãi suất 169.258.222 đồng), cụ thể những người vay tiền của vợ chồng H, H gồm:

- Phan Thành T, sinh năm 1992, ngụ ấp S, xã T, huyện C, tỉnh Tây Ninh. Vay 03 lần cụ thể: Lần 01 vay tiền đứng 25.000.000 đồng, trả lãi mỗi ngày 500.000 đồng, trả lãi được 216 ngày với số tiền là 108.000.000 đồng (đã trả tiền gốc), tính ra lãi suất tương ứng 60%/tháng, tương ứng 720%/năm (gấp 36 lần so

với mức lãi suất cao nhất quy định tại Điều 468 Bộ luật Dân sự); Lần 02 vay tiền đứng 12.500.000 đồng, trả lãi mỗi ngày 187.000 đồng, trả lãi được 64 ngày với số tiền 11.968.000 đồng (chưa trả tiền gốc); Lần 03 cho mượn trả góp 31.000.000 đồng, trả mỗi ngày 1.000.000 đồng, thời hạn trả 31 ngày, không tính lãi chỉ yêu cầu trả gốc, đã trả được 8 ngày với số tiền 8.000.000 đồng.

- Nguyễn Thị Kim L, sinh năm 1980, ngụ ấp L, xã v, huyện C, tỉnh Tây Ninh. Vay 03 lần cụ thể: Lần 01 vay 5.000.000 đồng, phí vay 300.000 đồng, trả góp mỗi ngày 250.000 đồng, thời hạn trả 25 ngày, đã trả xong 6.250.000 đồng; Lần 02 vay như lần 01 đã trả xong; Lần 03 vay 5.000.000 đồng, phí vay 300.000 đồng, trả góp mỗi ngày 250.000 đồng, thời hạn trả 25 ngày, đã trả được 16 ngày 4.000.000 đồng.

- Bùi Thị Ngọc E, sinh năm 1968, ngụ ấp L, xã v, huyện C, tỉnh Tây Ninh. Vay 05 lần cụ thể: Lần 01 vay 5.000.000 đồng, phí vay 300.000 đồng, trả góp mỗi ngày 250.000 đồng, thời hạn trả 25 ngày, đã trả xong 6.250.000 đồng; Lần 02, 03, 04 vay như lần 01 và đã trả xong; Lần 05 vay 5.000.000 đồng, phí vay 300.000 đồng, trả góp mỗi ngày 250.000 đồng, thời hạn trả 25 ngày, đã trả được 07 ngày với số tiền 1.450.000 đồng.

- Nguyễn Thị Ngọc D, sinh năm 1984, ngụ ấp L, xã G, huyện B, tỉnh Tây Ninh. Vay 04 lần cụ thể: Lần 01 vay 5.000.000 đồng, phí vay 300.000 đồng, mỗi ngày góp 250.000 đồng, thời hạn trả 25 ngày, đã trả xong 6.250.000 đồng; Lần 02 vay như lần 1 đã trả xong; Lần 03 vay 5.000.000 đồng, phí vay 300.000 đồng, mỗi ngày trả 250.000 đồng, thời hạn trả 25 ngày, đã trả 02 ngày; Lần 04 vay 3.000.000 đồng, mỗi ngày trả 150.000 đồng, thời hạn trả 25 ngày, đã trả 08 ngày số tiền 1.200.000 đồng.

- Trần Thị K, sinh năm 1962, ngụ tại ấp P, xã v, huyện C, tỉnh Tây Ninh. Vay 04 lần, cụ thể: Lần 01 vay 3.000.000 đồng, phí vay 200.000 đồng, mỗi ngày góp 150.000 đồng, thời hạn trả 25 ngày, đã trả xong 3.750.000 đồng; Lần 02 vay như lần 01 và đã trả xong; Lần 03 vay 5.000.000 đồng, phí vay 300.000 đồng, mỗi ngày góp 250.000 đồng, thời hạn trả 25 ngày, đã trả xong 6.250.000 đồng; Lần 04 vay 5.000.000 đồng, phí vay 300.000 đồng, mỗi ngày góp 250.000 đồng, thời hạn trả 25 ngày, đã trả 03 ngày với số tiền 750.000 đồng.

- Bùi Thị Ngọc T, sinh năm 1973, ngụ tại ấp P, xã v, huyện C, tỉnh Tây Ninh.Vay 05 lần, cụ thể: Lần 01 vay 5.000.000 đồng, phí vay 300.000 đồng, mỗi ngày góp 200.000 đồng, thời hạn trả 31 ngày, đã trả xong 6.200.000 đồng; Các lần 02, 03, 04 vay như lần 01 và đã trả xong; Lần 05 vay 5.000.000 đồng, phí vay 300.000 đồng, mỗi ngày góp 200.000 đồng, thời hạn trả 31 ngày, đã trả 04 ngày với số tiền 800.000 đồng.

- Hoàng Thị P, sinh năm 1960, ngụ tại khu phố Ti, phường B, thị xã H, tỉnh Tây Ninh. Vay 05 lần, cụ thể: Lần 01 vay 5.000.000 đồng, phí vay 200.000 đồng, mỗi ngày góp 200.000 đồng, thời hạn trả 31 ngày, đã trả xong 6.200.000 đồng; Lần 02, 03, 04 vay như lần 01 và đã trả xong; Lần 05 vay 5.000.000 đồng, phí vay 200.000 đồng, mỗi ngày góp 200.000 đồng, thời hạn trả 31 ngày, đã trả 12 ngày với số tiền 2.400.000 đồng.

- Nguyễn Minh T, sinh năm 1987, ngụ tại khu phố T, phường B, thị xã H,

tỉnh Tây Ninh. Vay 04 lần cụ thể: Lần 01 vay 5.000.000 đồng, phí vay 150.000 đồng, mỗi ngày góp 200.000 đồng, thời hạn trả 31 ngày, đã trả xong 6.200.000 đồng; Lần 02, 03 vay như lần 01 và đã trả xong; Lần 04 vay 5.000.000 đồng, phí vay 200.000 đồng, mỗi ngày góp 200.000 đồng, thời hạn trả 31 ngày, đã trả 17 ngày số tiền 3.400.000 đồng.

- Trương Thị L, sinh năm 1985, ngụ tại ấp H, xã Đ, huyện C, tỉnh Tây Ninh. Vay 05 lần cụ thể: Lần 01 vay 5.000.000 đồng, phí vay 150.000 đồng, mỗi ngày góp 200.000 đồng, thời hạn trả 31 ngày, đã trả xong 6.200.000 đồng; Lần 02, 03 vay như lần 01 và đã trả xong; Lần 04 vay 5.000.000 đồng, phí vay 200.000 đồng, mỗi ngày góp 200.000 đồng, thời hạn trả 31 ngày, đã trả 10 ngày; Lần 05 vay 3.000.000 đồng, phí vay 100.000 đồng, mỗi ngày góp 150.000 đồng, thời hạn trả 25 ngày, đã trả 05 ngày số tiền 750.000 đồng.

- Trương Thị L, sinh năm 1982, ngụ tại ấp H, xã Đ, huyện C, tỉnh Tây Ninh. Vay 02 lần, cụ thể: Lần 01 vay 5.000.000, phí vay 150.000 đồng, mỗi ngày góp 200.000 đồng, trả trong 31 ngày, đã trả hết 6.200.000 đồng; Lần 02 vay 5.000.000, phí vay 150.000 đồng, mỗi ngày góp 200.000 đồng, trả trong 31 ngày, đã trả được 16 ngày số tiền 3.200.000 đồng.

- Châu Nhật T, sinh năm 1981, ngụ tại ấp P, xã Đ, huyện C, tỉnh Tây Ninh. Vay 02 lần, cụ thể: Lần 01 vay 3.000.000, phí vay 150.000 đồng, mỗi ngày góp 150.000 đồng, trả trong 25 ngày, đã trả hết 3.750.000 đồng; Lần 02 vay 5.000.000, phí vay 300.000 đồng, mỗi ngày góp 200.000 đồng, trả trong 31 ngày, đã trả được 11 ngày với số tiền 2.200.000 đồng.

- Nguyễn Hồng L, sinh năm 1993, ngụ ấp Bến Kéo, xã Long THnh Nam, thị xã Hòa THnh, tỉnh Tây Ninh, vay 01 lần 10.000.000 đồng, phí vay 300.000 đồng, mỗi ngày trả 300.000 đồng, trả trong 42 ngày, đã trả xong 12.600.000 đồng.

- Nguyễn Thị T K, sinh năm 1981, ngụ ấp Long Đại, xã Long Vĩnh, huyện Châu THnh, tỉnh Tây Ninh, vay 01 lần 3.000.000 đồng, phí vay 200.000 đồng, mỗi ngày trả 150.000 đồng, trả trong 25 ngày, đã trả 08 ngày với số tiền 1.200.000 đồng.

- Trần Thị S, sinh năm 1971, ngụ tại ấp Phước Tây, xã Long Phước, huyện Bến Cầu, tỉnh Tây Ninh. Vay 05 lần cụ thể: Các lần 01, 02, 03, 04 mỗi lần vay 5.000.000 đồng, phí vay 300.000 đồng, mỗi ngày góp 200.000 đồng, trả trong 31 ngày, đã trả hết số tiền 6.200.000 đồng; Lần 05 vay 5.000.000 đồng, phí vay 300.000 đồng, mỗi ngày góp 200.000 đồng, trả trong 31 ngày, đã trả được 09 ngày với số tiền 1.800.000 đồng.

- Nguyễn Thị Ngọc Đ, sinh năm 1968, ngụ ấp T, xã Đ, huyện C, tỉnh Tây Ninh. Vay 03 lần cụ thể: Các lần 01, 02 mỗi lần vay 3.000.000 đồng, phí vay 250.000 đồng, mỗi ngày góp 150.000 đồng, trả trong 26 ngày, đã trả hết số tiền 3.900.000 đồng; Lần 03 vay 3.000.000 đồng, phí vay 250.000 đồng, mỗi ngày góp 150.000 đồng, trả trong 26 ngày, đã trả được 02 ngày với số tiền 300.000 đồng.

- Cao Lê Ngọc H, sinh năm 1994, ngụ tại ấp T, xã Đ, huyện C, tỉnh Tây Ninh. Vay 03 lần cụ thể: Các lần 01, 02 mỗi lần vay 3.000.000 đồng, phí vay 250.000 đồng, mỗi ngày góp 150.000 đồng, trả trong 26 ngày, đã trả hết số tiền 3.900.000 đồng; Lần 03 vay 3.000.000 đồng, phí vay 250.000 đồng, mỗi ngày góp

150.000 đồng, trả trong 26 ngày, đã trả được 04 ngày với số tiền 600.000 đồng.

- Cao Thị H, sinh năm 1994, ngụ ấp Đ, xã T, huyện C, tỉnh Tây Ninh. Vay 02 lần cụ thể: Lần 01 vay 3.000.000 đồng, phí vay 150.000 đồng, mỗi ngày góp 150.000 đồng, trả trong 25 ngày, đã trả được 10 ngày số tiền 1.500.000 đồng; Lần 02 vay 5.000.000 đồng, phí vay 200.000 đồng, mỗi ngày góp 200.000 đồng, trả trong 31 ngày, đã trả được 04 ngày với số tiền 800.000 đồng.

- Phạm Thị Tấm, sinh năm 1957, ngụ ấp Giồng Tre, xã Bình Minh, tHnh phố Tây Ninh, tỉnh Tây Ninh. Vay 06 lần, cụ thể: Các lần 01, 02, 03, 04 mỗi lần vay 5.000.000 đồng, phí vay 200.000 đồng, mỗi ngày góp 200.000 đồng, trả trong 31 ngày, đã trả hết số tiền 6.200.000 đồng; Lần 05 vay 5.000.000 đồng, phí vay 300.000 đồng, mỗi ngày góp 200.000 đồng, trả trong 31 ngày, đã trả được 19 ngày với số tiền 3.800.000 đồng; Lần 06 vay 5.000.000 đồng, phí vay 300.000 đồng, mỗi ngày góp 200.000 đồng, trả trong 31 ngày, đã trả được 15 ngày với số tiền 3.000.000 đồng.

- Nguyễn Thị M, sinh năm 1961, ngụ ấp T, xã Đ, huyện C, tỉnh Tây Ninh. Vay 03 lần cụ thể: Lần 01 vay 3.000.000 đồng, phí vay 250.000 đồng, mỗi ngày góp 150.000 đồng, trả trong 26 ngày, đã trả hết số tiền 3.900.000 đồng; Lần 02 vay 3.000.000 đồng, phí vay 250.000 đồng, mỗi ngày góp 150.000 đồng, trả trong 26 ngày, đã trả được 16 ngày với số tiền 2.400.000 đồng; Lần 03 vay 3.000.000 đồng, phí vay 250.000 đồng, mỗi ngày góp 150.000 đồng, trả trong 26 ngày, đã trả được 07 ngày với số tiền 1.050.000 đồng.

Quá trình điều tra, Đào Văn H và Phạm Thị H đã tHnh khẩn khai báo, ăn năn hối cải về Hnh vi phạm tội của mình.

Tại Bản cáo trạng số 26/CT-VKSCT ngày 23/4/2021, Viện kiểm sát nhân dân huyện Châu THnh, tỉnh Tây Ninh truy tố bị cáo Đào Văn H và Phạm Thị H về tội "Cho vay lãi nặng trong giao dịch dân sự" theo quy định tại khoản 2 Điều 201 của Bộ luật Hình sự.

Tại phiên tòa, Viện kiểm sát nhân dân huyện Châu THnh, tỉnh Tây Ninh giữ nguyên quyết định truy tố các bị cáo về tội danh trên, đồng thời đề nghị Hội đồng xét xử căn cứ khoản 2 Điều 201, điểm i, s khoản 1 Điều 51, Điều 65 Bộ luật Hình sự, xử phạt bị cáo Đào Văn H từ 01 năm 06 tháng đến 02 năm tù cho hưởng án treo, Phạm Thị H từ 01 năm 06 tháng đến 02 năm tù cho hưởng án treo và ấn định thời gian thử thách đối với 02 bị cáo từ 03 năm đến 04 năm.

Không áp dụng hình phạt bổ sung là hình phạt tiền đối với các bị cáo; Áp dụng Điều 46, 47 Bộ luật Hình sự, Điều 106 Bộ luật Tố tụng hình sự, đề nghị Hội đồng xét xử xử lý vật chứng và các biện pháp tư pháp theo quy định pháp luật.

Tại phiên tòa, các bị cáo đã khai nhận toàn bộ Hnh vi phạm tội như nội dung Cáo trạng truy tố và không có ý kiến tranh luận bào chữa cho mình.

Các bị cáo nói lời nói sau cùng: các bị cáo phạm tội lần đầu, mong Hội đồng xét xử xE xét giảm nhẹ hình phạt.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về thủ tục tố tụng: Người có quyền lợi, nghĩa vụ l quan xử vắng mặt tại phiên tòa, nhưng lời khai và yêu cầu của họ đã có đầy đủ trong hồ S vụ án, việc xét xử vắng mặt họ không ảnh hưởng đến nội dung vụ án nên bị cáo và đại diện Viện kiểm sát đề nghị Hội đồng xét xử xét xử vắng mặt họ. Căn cứ Điều 292 Bộ luật Tố tụng hình sự, Hội đồng xét xử tiến Hnh xét xử vụ án theo quy định của pháp luật.

[2] Về Hnh vi, quyết định tố tụng của Cơ quan điều tra, Viện kiểm sát, Điều tra viên, Kiểm sát viên trong quá trình điều tra và truy tố đã thực hiện đúng thẩm quyền, trình tự thủ tục theo quy định của Bộ luật Tố tụng Hình sự. Ngoài ra, trong quá trình điều tra cũng như tại phiên tòa, không có người nào có ý kiến hay khiếu nại gì về Hnh vi, quyết định của cơ quan tiến Hnh tố tụng, người tiến Hnh tố tụng. Do đó, Hnh vi, quyết định tố tụng của cơ quan tiến Hnh tố tụng, người tiến Hnh tố tụng đã thực hiện là đúng quy định pháp luật.

[3] Về tội danh: Trong thời gian từ tháng 3 đến tháng 11-2020, trên địa bàn huyện Châu THnh, Bến Cầu, thị xã Hòa THnh và tHnh phố Tây Ninh, tỉnh Tây Ninh, vợ chồng Đào Văn H và Phạm Thị H đã cho 19 người/66 lượt vay như sau: đối với khoản vay trả góp thì lãi suất từ 276% đến 420%/năm (gấp từ 13,8 lần đến 21 lần so với mức lãi suất cao nhất quy định tại Điều 468 Bộ luật Dân sự); đối với khoản vay tiền đứng thì lãi suất từ 540% đến 720%/năm (gấp từ 27 lần đến 36 lần so với mức lãi suất cao nhất quy định tại Điều 468 Bộ luật Dân sự). Tổng số tiền bị cáo H H cho vay là 356.500.000 đồng, trong đó có khoản tiền 31.000.000 đồng Đào Văn H và Phạm Thị H cho anh Phan THnh T vay tiền góp, không thu tiền lãi, chỉ thu tiền gốc. Do đó, tổng số tiền vợ chồng H H cho vay lãi nặng là 325.500.000 đồng, thu lợi bất chính tổng số tiền 183.608.222 đồng.

Lời khai nhận tội của các bị cáo phù hợp với biên bản bắt người phạm tội quả tang, biên bản khám xét, lời khai người làm chứng, người có quyền lợi, nghĩa vụ l quan và các tài liệu, chứng cứ khác có trong hồ S vụ án. Hnh vi của các bị cáo đã đủ yếu tố cấu tHnh tội "Cho vay lãi nặng trong giao dịch dân sự", tội phạm và hình phạt quy định tại khoản 2 Điều 201 Bộ luật Hình sự. Do đó, Cáo trạng của Viện kiểm sát truy tố các bị cáo là hoàn toàn có căn cứ, đúng người, đúng tội, đúng pháp luật.

[4] Về tính chất, mức độ của Hnh vi phạm tội:

Trong vụ án này, bị cáo H với vai trò chính, bị cáo H với vai trò giúp sức cho bị cáo H trong hoạt động cho vay. Nhưng Hnh vi của các bị cáo không có sự bàn bạc, phân công vai trò cụ thể, không câu kết chặc chẽ nên đây là trường hợp đồng phạm giản đơn, không có tính tổ chức.

Hnh vi phạm tội của các bị cáo đã xâm phạm trật tự quản lý kinh tế của NH nước trong lĩnh vực tài chính, ngân Hng được Luật hình sự quy định. Hnh vi cho vay lãi nặng tự phát, không tuân thủ các quy tắc tín dụng, không có sự quản lý của NH nước gây ảnh hưởng đến tình hình an ninh, trật tự của địa pH. Do đó, Hội đồng xét xử xét thấy cần xử phạt các bị cáo một hình phạt tương xứng với vai trò, tính chất và mức độ Hnh vi phạm tội của từng bị cáo nhằm thể hiện tính răn đe, giáo dục đối các bị cáo và phòng ngừa chung cho xã hội.

Nhưng khi áp dụng hình phạt có xem xét đến tình tiết giảm nhẹ, tăng nặng trách nhiệm hình sự đối với các bị cáo:

[5] Về tình tiết giảm nhẹ, tăng nặng trách nhiệm hình sự:

- Về tình tiết giảm nhẹ: trong quá trình điều tra cũng như tại phiên tòa, các bị cáo tHnh khẩn khai báo, ăn năn hối cải; phạm tội lần đầu thuộc và trường hợp ít nghiêm trọng. Đây là các tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự quy định tại các điểm i, s khoản 1 Điều 51 Bộ luật Hình sự sẽ được Hội đồng xét xử xem xét khi áp dụng hình phạt đối với các bị cáo.

- Về tình tiết tăng nặng: các bị cáo không có tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự.

[6] Về áp dụng hình phạt đối với các bị cáo:

Xét thấy bị cáo H, H phạm tội lần đầu và thuộc trường hợp ít nghiêm trọng, tHnh khẩn khai báo, ăn năn hối cải và mức hình phạt đối với các bị cáo là không quá 03 năm; có nhân thân tốt và có 02 tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự quy định tại điểm i, s khoản 1 Điều 51 của Bộ luật Hình sự và không có tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự quy định tại khoản 1 Điều 52 của Bộ luật Hình sự. Các bị cáo có nơi cư trú rõ ràng, có khả năng tự cải tạo nên không cần phải bắt các bị cáo chấp Hnh hình phạt tù, việc cho các bị cáo hưởng án treo không gây nguy hiểm cho xã hội; không ảnh hưởng xấu đến an ninh, trật tự, an toàn xã hội. Do đó, đề nghị áp dụng hình phạt tù cho hưởng án treo đối với các bị cáo của Viện kiểm sát là phù hợp.

[7] Về biện pháp tư pháp: Căn cứ các Điều 47 Bộ luật Hình sự, Điều 106 Bộ luật Tố tụng hình sự xử lý vật chứng như sau:

[7.1] Đối với khoản tiền các bị cáo dùng để cho vay (tiền gốc), bao gồm khoản tiền gốc người vay chưa hoàn trả cho các bị cáo, là pH tiện dùng vào việc phạm tội nên tịch thu sung vào ngân sách NH nước (buộc những người vay nộp lại để sung vào ngân sách NH nước), cụ thể:

- Buộc vợ chồng bị cáo H, H phải l đới nộp lại số tiền gốc đã thu được từ những người vay là 250.537.122 (Hai trăm năm mươi triệu, năm trăm ba mươi bảy nghìn, một trăm hai mươi hai) đồng để tịch thu sung vào ngân sách NH nước.

- Buộc những người vay chưa hoàn trả số tiền vay gốc cho các bị cáo nộp lại để tịch thu sung vào ngân sách NH nước như sau: buộc anh Phan Thanh T nộp lại số tiền 12.500.000 đồng; chị Nguyễn Thị Kim L nộp lại số tiền 1.800.000 đồng; bà Bùi Thị Ngọc E nộp lại số tiền 3.600.000 đồng; bà Nguyễn Thị Ngọc D nộp lại số tiền 6.640.000 đồng; bà Trần Thị K nộp lại số tiền 4.400.000 đồng; bà Bùi Thị Ngọc T nộp lại số tiền 4.354.839 đồng; bà Hoàng Thị P nộp lại số tiền 3.064.516 đồng; chị Nguyễn Minh T nộp lại số tiền 2.258.065 đồng; bà Trương Thị L nộp lại số tiền là 5.787.097 đồng; bà Trương Thị L nộp lại số tiền 2.419.355 đồng; bà Châu Nhật T nộp lại số tiền 3.225.806 đồng; bà Nguyễn Thị T K nộp lại số tiền 2.040.000 đồng; bà Trần Thị S nộp lại số tiền 3.548.387 đồng; bà Nguyễn Thị Ngọc Đ nộp lại số tiền 2.769.231 đồng; chị Cao Lê Ngọc H nộp lại số tiền 2.538.462 đồng; chị Cao Thị H nộp lại số tiền là 6.154.839 đồng; bà Phạm Thị Tấm nộp lại số tiền là 4.516.129 đồng; bà Nguyễn Thị M nộp lại số tiền là 3.346.154 đồng.

[7.2] Đối với khoản tiền lãi tương ứng với lãi suất 20%/năm là 7.030.000 (Bảy triệu không trăm ba mươi nghìn) đồng và khoản phí vay các bị cáo đã thu:

14.950.000 (Mười bốn triệu chín trăm năm mươi nghìn) đồng. Đây là tiền l quan đến việc phạm tội mà có nên buộc bị cáo H, H l đới nộp lại để tịch thu sung vào ngân sách NH nước.

[7.3] Đối với khoản tiền lãi vượt quá lãi suất 20%/năm, tổng cộng là: 169.000.863 đồng, đây là tiền các bị cáo thu lợi bất chính từ người vay nên buộc bị cáo H, H trả lại cho người vay. Cụ thể, buộc bị cáo trả như sau: trả cho anh Phan Thanh T số tiền 116.570.740 đồng, chị Nguyễn Thị Kim L số tiền 3.119.178 đồng, bà Bùi Thị Ngọc E số tiền 5.056.849 đồng, bà Nguyễn Thị Ngọc D số tiền 2.684.384 đồng, bà Trần Thị K số tiền 2.741.096 đồng, bà Bùi Thị Ngọc T số tiền 4.604.315 đồng, bà Hoàng Thị P số tiền 4.892.397 đồng, ông Nguyễn Minh T số tiền 3.956.630 đồng, bà Trương Thị L số tiền là 3.846.589 đồng, bà Trương Thị L là 1.691.233 đồng, bà Châu Nhật T số tiền 1.104.767 đồng, bà Trần Hồng L số tiền 2.369.863 đồng, bà Nguyễn Thị T K số tiền 226.849 đồng, bà Trần Thị S số tiền 4.783.616 đồng, bà Nguyễn Thị Ngọc Đ số tiền 1.781.233 đồng, chị Cao Lê Ngọc H số tiền 1.845.945 đồng, chị Cao Thị H số tiền là 427.603 đồng, bà Phạm Thị Tấm số tiền là 5.682.123 đồng, bà Nguyễn Thị M số tiền là 1.615.452 đồng.

[8] Về xử lý vật chứng:

- Tiền Việt Nam: 46.000.000 đồng (Bốn mươi sáu triệu đồng), là tài sản cá nhân của bị cáo H, không l quan đến việc phạm tội nên trả lại cho bị cáo H.

- 01 (một) điện thoại di động Nokia 230, số Imei 1: 354180102205160, có gắn sim điện thoại số 0987632352, đã qua sử dụng và 01 (một) điện thoại di động Nokia 3310, số Imei 1: 358572080025048, có gắn sim điện thoại số 0856974259, đã qua sử dụng. Đây là pH tiện bị cáo H dùng để l lạc trong hoạt động cho vay nên tịch thu sung vào ngân sách NH nước.

- 01 (một) điện thoại di động Oppo A71, số seri: 52b5d081, không có gắn sim điện thoại, đã qua sử dụng; 01 (một) điện thoại di động Redmi Note 8 Pro, số seri: uk95gukv4pm7m7da, có gắn sim điện thoại số 0383581868 và 0977106258, đã qua sử dụng; 01 (một) quyển sổ màu đen bên trong có ghi chữ và số, có chữ ký xác nhận của bị cáo H. Đây là tài sản không l quan đến việc phạm tội nên trả lại cho bị cáo H.

- 01 (một) sổ hộ khẩu số 540164241 do Lê Thị Minh T làm chủ hộ; 02 (hai) sổ hộ khẩu do Phạm Thị Bé Hai và Huỳnh Văn Phở làm chủ hộ (bản photo); 01 (một) giấy chứng minh nhân dân mang tên Nguyễn Thị Thu Hồng số: 291086785; 04 (bốn) giấy chứng minh nhân dân mang tên Lê Thị Minh T, Nguyễn K Ngọc Dung, Phạm Đức Đ, Trần Ngọc Đ (bản photo); 01 (một) quyển sổ bìa màu xanh, bên trong có ghi chữ và số, được đánh số thứ tự từ 01 đến 36, có chữ ký xác nhận của bị cáo H; 01 (một) quyển tập học sinh có chữ trường tiểu học Ân Hòa ngoài bìa, bên trong có 08 trang ghi chữ và số, có chữ ký xác nhận của bị cáo H; 03 (ba) tờ giấy nộp tiền ngân Hng Agribank người nộp tiền Phạm Thị H các ngày 04/7/2018, 05/9/2018, 05/10/2018, có chữ ký xác nhận của bị cáo H; 03 (ba) tờ giấy nộp tiền ngân Hng Agribank người nộp tiền Phạm Thị H các ngày 20/02/2020, 20/02/2020, 06/7/2020, có chữ ký xác nhận của bị cáo H; 01 (một) tờ giấy ủy nhiệm chi ngày 04/5/2020, chủ tài khoản Phạm Thị H; 21 (hai mươi mốt) tờ giấy có ghi chữ và số, có đánh số thứ tự từ 01 đến 21, có chữ ký xác nhận của bị

cáo H; 12 (mười hai) tờ giấy lịch có chữ ký và số được đánh số thứ tự từ 01 đến 12, có chữ ký xác nhận của bị cáo H; 07 (bảy) tờ giấy có ghi chữ và số, được đánh số thứ tự từ 01 đến 07, có chữ ký xác nhận của bị cáo H; 08 (tám) tờ giấy có ghi chữ và số, đánh số thứ tự từ 01 đến 08, có chữ ký xác nhận của bị cáo H; 10 (mười) tờ giấy biên nhận có ghi chữ và số, có đánh số thứ tự từ 01 đến 10, có chữ ký xác nhận của bị cáo H; 01 (một) giấy biên nhận ngày 21/11/2020 mang tên Cao Thị H (bản photo); 01 (một) giấy bán xe máy 70G1-60905, ngày 23/4/2018, là vật chứng l quan trong vụ án và hoạt động cho vay không có giá trị sử dụng nên tịch thu tiêu hủy.

- 01 (một) xe mô tô nhãn hiệu Yamaha, loại NVX, màu xanh-đen, số khung: D310HY011186, số máu E3Y6E011184, biển số 70G1-609.05, đã qua sử dụng. Đây là xe bị cáo dùng làm pH tiện trong hoạt động cho vay lãi nặng nên tịch thu sung quỹ NH nước.

[9] Về án phí: án phí dân sự S thẩm: các bị cáo phải chịu án phí dân sự S thẩm trên số tiền 169.000.863 đồng phải trả cho những người vay; những người vay không phải chịu án phí dân sự S thẩm; các bị cáo phải chịu án phí hình sự S thẩm theo quy định tại Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30-12-2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về án phí, lệ phí của Tòa án.

Đối với Phạm Đức Đ, sinh năm 1992, trú tại ấp Bình Long, xã Thái Bình, huyện Châu THnh, tỉnh Tây Ninh, có Hnh vi thu tiền lãi của anh Phan THnh T số tiền 10.500.000 đồng giùm cho bị cáo Đào Văn H và Phạm Thị H. Nhưng Đ không biết việc H, H cho vay và Đ không hưởng lợi gì từ việc thu tiền giùm này. Do đó, Hnh vi của Đ chưa đủ yếu tố cấu tHnh tội phạm nên không xử lý.

Đối với người tên Huỳnh Thị L H, Nguyễn Thị L, Trần Thị Thu Hồng, Nguyễn Thị Tiến, Trần Thị Gái, M Thị Yến, Trần Văn Đông, Nguyễn Thị Thanh PH, Trần Văn Sâm, Bùi Thị Xuân, Lâm Thị Chung, Phạm Thị Bé Hai là những người vay tiền của bị cáo Đào Văn H và Phạm Thị H. Hiện những người này đã bỏ địa pH, không xác định được nơi ở, chưa làm việc được nên tách ra tiếp tục điều tra làm rõ giải quyết sau.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

1. Tuyên bố: bị cáo Đào Văn H và Phạm Thị H phạm tội "*Cho vay lãi nặng trong giao dịch dân sự*".

1.1 Căn cứ vào khoản 2 Điều 201; điểm i, s khoản 1 Điều 51 và Điều 65 Bộ luật Hình sự: xử phạt bị cáo Đào Văn H 01 (Một) năm 06 (Sáu) tháng tù, nhưng cho hưởng án treo. Thời gian thử thách là 03 năm tính từ ngày tuyên án S thẩm.

1.2 Căn cứ vào khoản 2 Điều 201; điểm i, s khoản 1 Điều 51 và Điều 65 Bộ luật Hình sự: xử phạt bị cáo Phạm Thị H 01 (Một) năm tù, nhưng cho hưởng án treo. Thời gian thử thách là 02 năm tính từ ngày tuyên án S thẩm.

Giao bị cáo Đào Văn H và Phạm Thị H về Ủy ban nhân dân xã T, huyện C, tỉnh Tây Ninh để giám sát, giáo dục trong thời gian thử thách.

Trong trường hợp người được cho hưởng án treo thay đổi nơi cư trú thì thực

hiện theo quy định tại khoản 1 Điều 92 của Luật thi Hnh án hình sự.

Trong thời gian thử thách, người được hưởng án treo cố ý vi phạm nghĩa vụ theo quy định của Luật thi Hnh án hình sự 02 lần trở lên thì Tòa án có thể quyết định buộc người được hưởng án treo phải chấp Hnh hình phạt tù của bản án cho hưởng án treo.

2. Biện pháp tư pháp: Áp dụng Điều 46, 47 Bộ luật Hình sự:

- Buộc vợ chồng bị cáo Đào Văn H, Phạm Thị H phải l đới nộp lại số tiền gốc đã thu được từ những người vay là: 250.537.122 (Hai trăm năm mươi triệu, năm trăm ba mươi bảy nghìn, một trăm hai mươi hai) đồng để tịch thu sung vào ngân sách NH nước.

- Buộc bị cáo H, H phải liên đới nộp lại số tiền lãi tương ứng với lãi suất 20%/năm là 7.030.000 (Bảy triệu không trăm ba mươi nghìn) đồng và khoản phí vay các bị cáo đã thu: 14.950.000 (Mười bốn triệu chín trăm năm mươi nghìn) đồng để tịch thu sung vào ngân sách NH nước.

- Buộc những người vay chưa hoàn trả số tiền vay gốc cho các bị cáo nộp lại để tịch thu sung vào ngân sách NH nước như sau: buộc anh Phan Thanh T nộp lại số tiền 12.500.000 (Mười hai triệu năm trăm nghìn) đồng; chị Nguyễn Thị Kim L nộp lại số tiền 1.800.000 (Một triệu tám trăm nghìn) đồng; bà Bùi Thị Ngọc E nộp lại số tiền 3.600.000 (Ba triệu sáu trăm nghìn) đồng; bà Nguyễn Thị Ngọc D nộp lại số tiền 6.640.000 (Sáu triệu sáu trăm bốn mươi nghìn) đồng; bà Trần Thị K nộp lại số tiền 4.400.000 (Bốn triệu bốn trăm nghìn) đồng; bà Bùi Thị Ngọc T nộp lại số tiền 4.354.839 (Bốn triệu ba trăm năm mươi bốn nghìn tám trăm ba mươi chín) đồng; bà Hoàng Thị P nộp lại số tiền 3.064.516 (Ba triệu không trăm sáu mươi bốn nghìn năm trăm mười sáu) đồng; chị Nguyễn Minh T nộp lại số tiền 2.258.065 (Hai triệu hai trăm năm mươi tám nghìn không trăm sáu mươi lăm) đồng; bà Trương Thị L nộp lại số tiền là 5.787.097 (Năm triệu bảy trăm tám mươi bảy nghìn không trăm chín mươi bảy) đồng; bà Trương Thị L nộp lại số tiền 2.419.355 (Hai triệu bốn trăm mười chín nghìn ba trăm năm mươi lăm) đồng; bà Châu Nhật T nộp lại số tiền 3.225.806 (Ba triệu hai trăm hai mươi lăm nghìn tám trăm lẻ sáu) đồng; bà Nguyễn Thị T K nộp lại số tiền 2.040.000 (Hai triệu không trăm bốn mươi nghìn) đồng; bà Trần Thị S nộp lại số tiền 3.548.387 (Ba triệu năm trăm bốn mươi tám nghìn ba trăm tám mươi bảy) đồng; bà Nguyễn Thị Ngọc Đ nộp lại số tiền 2.769.231 (Hai triệu bảy trăm sáu mươi chín nghìn hai trăm ba mươi mốt) đồng; chị Cao Lê Ngọc H nộp lại số tiền 2.538.462 (Hai triệu năm trăm ba mươi tám nghìn bốn trăm sáu mươi hai) đồng; chị Cao Thị H nộp lại số tiền là 6.154.839 (Sáu triệu một trăm năm mươi bốn nghìn tám trăm ba mươi chín) đồng; bà Phạm Thị Tấm nộp lại số tiền là 4.516.129 (Bốn triệu năm trăm mười sáu nghìn một trăm hai mươi chín) đồng; bà Nguyễn Thị M nộp lại số tiền là 3.346.154 (Ba triệu ba trăm bốn mươi sáu nghìn một trăm năm mươi bốn) đồng.

- Buộc bị cáo H, H phải trả lại cho người vay số tiền thu lợi bất chính là 169.000.863 đồng, cụ thể như sau: buộc bị cáo trả như sau: trả cho anh Phan Thanh T số tiền 116.570.740 (Một trăm mười sáu triệu năm trăm bảy mươi nghìn bảy trăm bốn mươi) đồng, chị Nguyễn Thị Kim L số tiền 3.119.178 (Ba triệu một trăm mười chín nghìn một trăm bảy mươi tám) đồng, bà Bùi Thị Ngọc E số tiền

5.056.849 (Năm triệu không trăm năm mươi sáu nghìn tám trăm bốn mươi chín) đồng, bà Nguyễn Thị Ngọc D số tiền 2.684.384 (Hai triệu sáu trăm tám mươi bốn nghìn ba trăm tám mươi bốn) đồng, bà Trần Thị K số tiền 2.741.096 (Hai triệu bảy trăm bốn mươi mốt nghìn không trăm chín mươi sáu) đồng, bà Bùi Thị Ngọc T số tiền 4.604.315 (Bốn triệu sáu trăm lẻ bốn nghìn ba trăm mười lăm) đồng, bà Hoàng Thị P số tiền 4.892.397 (Bốn triệu tám trăm chín mươi hai nghìn ba trăm chín mươi bảy) đồng, chị Nguyễn Minh T số tiền 3.956.630 (Ba triệu chín trăm năm mươi sáu nghìn sáu trăm ba mươi) đồng, bà Trương Thị L số tiền là 3.846.589 (Ba triệu tám trăm bốn mươi sáu nghìn năm trăm tám mươi chín) đồng, bà Trương Thị L là 1.691.233 (Một triệu sáu trăm chín mươi mốt nghìn hai trăm ba mươi ba) đồng, bà Châu Nhật T số tiền 1.104.767 (Một triệu một trăm lẻ bốn nghìn bảy trăm sáu mươi bảy) đồng, bà Trần Hồng L số tiền 2.369.863 (Hai triệu ba trăm sáu mươi chín nghìn tám trăm sáu mươi ba) đồng, bà Nguyễn Thị T K số tiền 226.849 (Hai trăm hai mươi sáu nghìn tám trăm bốn mươi chín) đồng, bà Trần Thị S số tiền 4.783.616 (Bốn triệu bảy trăm tám mươi ba nghìn sáu trăm mười sáu) đồng, bà Nguyễn Thị Ngọc Đ số tiền 1.781.233 (Một triệu bảy trăm tám mươi mốt nghìn hai trăm ba mươi ba) đồng, chị Cao Lê Ngọc H số tiền 1.845.945 (Một triệu tám trăm bốn mươi lăm nghìn chín trăm bốn mươi lăm) đồng, chị Cao Thị H số tiền là 427.603 (Bốn trăm hai mươi bảy nghìn sáu trăm lẻ ba) đồng, bà Phạm Thị Tấm số tiền là 5.682.123 (Năm triệu sáu trăm tám mươi hai nghìn một trăm hai mươi ba) đồng, bà Nguyễn Thị M số tiền là 1.615.452 (Một triệu sáu trăm mười lăm nghìn bốn trăm năm mươi hai) đồng.

3. Về xử lý vật chứng:

- Trả lại cho bị cáo H: tiền Việt Nam: 46.000.000 đồng (Bốn mươi sáu triệu đồng); 01 (một) điện thoại di động Oppo A71, số seri: 52b5d081, không gắn sim điện thoại, đã qua sử dụng; 01 (một) điện thoại di động Redmi Note 8 Pro, số seri: uk95gukv4pm7m7da, có gắn sim điện thoại số 0383581868 và 0977106258, đã qua sử dụng; 01 (một) quyển sổ màu đen bên trong có ghi chữ và số, có chữ ký xác nhận của bị cáo H.

- Tịch thu sung vào ngân sách NH nước: 01 (một) điện thoại di động Nokia 230, số Imei 1: 354180102205160, có gắn sim điện thoại số 0987632352, đã qua sử dụng và 01 (một) điện thoại di động Nokia 3310, số Imei 1: 358572080025048, có gắn sim điện thoại số 0856974259, đã qua sử dụng; 01 (một) xe mô tô nhãn hiệu Yamaha, loại NVX, màu xanh-đen, số khung: D310HY011186, số máy E3Y6E011184, biển số 70G1-609.05, đã qua sử dụng.

- Tịch thu tiêu hủy: 01 (một) sổ hộ khẩu số 540164241 do Lê Thị Minh T làm chủ hộ (bản photo); 02 (hai) sổ hộ khẩu do Phạm Thị B và Huỳnh Văn P làm chủ hộ (bản photo); 01 (một) giấy chứng minh nhân dân mang tên Nguyễn Thị Thu Hồng số: 291086785; 04 (bốn) giấy chứng minh nhân dân mang tên Lê Thị Minh T, Nguyễn K Ngọc Dung, Phạm Đức Đ, Trần Ngọc Đ (bản photo); 01 (một) quyển sổ bìa màu xanh, bên trong có ghi chữ và số, được đánh số thứ tự từ 01 đến 36, có chữ ký xác nhận của bị cáo H; 01 (một) quyển tập học sinh có chữ trường tiểu học Ân Hòa ngoài bìa, bên trong có 08 trang ghi chữ và số, có chữ ký xác nhận của bị cáo H; 03 (ba) tờ giấy nộp tiền ngân Hng Agribank người nộp tiền

Phạm Thị H các ngày 04/7/2018, 05/9/2018, 05/10/2018, có chữ ký xác nhận của bị cáo H; 03 (ba) tờ giấy nộp tiền ngân Hng Agribank người nộp tiền Phạm Thị H các ngày 20/02/2020, 20/02/2020, 06/7/2020, có chữ ký xác nhận của bị cáo H; 01 (một) tờ giấy ủy nhiệm chi ngày 04/5/2020, chủ tài khoản Phạm Thị H; 21 (hai mươi mốt) tờ giấy có ghi chữ và số, có đánh số thứ tự từ 01 đến 21, có chữ ký xác nhận của bị cáo H; 12 (mười hai) tờ giấy lịch có chữ ký và số được đánh số thứ tự từ 01 đến 12, có chữ ký xác nhận của bị cáo H; 07 (bảy) tờ giấy có ghi chữ và số, được đánh số thứ tự từ 01 đến 07, có chữ ký xác nhận của bị cáo H; 08 (tám) tờ giấy có ghi chữ và số, đánh số thứ tự từ 01 đến 08, có chữ ký xác nhận của bị cáo H; 10 (mười) tờ giấy biên nhận có ghi chữ và số, có đánh số thứ tự từ 01 đến 10, có chữ ký xác nhận của bị cáo H; 01 (một) giấy biên nhận ngày 21/11/2020 mang tên Cao Thị H (bản photo); 01 (một) giấy bán xe máy 70G1-60905, ngày 23/4/2018.

(Vật chứng của vụ án hiện đang tạm giữ tại Chi cục Thi Hnh án dân sự huyện Châu THnh, tỉnh Tây Ninh theo Biên bản giao nhận vật chứng ngày 14/5/2021).

3. Án phí: căn cứ Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc Hội:

Án phí dân sự S thẩm: những người có quyền lợi, nghĩa vụ l quan không phải chịu.

Bị cáo H, H phải l đới chịu 8.450.000 (Tám triệu bốn trăm năm mươi nghìn) đồng.

Án phí hình sự sơ thẩm: các bị cáo, mỗi người phải chịu 200.000 đồng (hai trăm nghìn đồng) án phí hình sự S thẩm.

4. Bị cáo có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 (mười lăm) ngày tính từ ngày tuyên án S thẩm. Người có quyền lợi, nghĩa vụ l quan có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 (mười lăm) ngày tính từ ngày nhận được bản án hoặc ngày bản án được niêm yết theo quy định pháp luật.

TM.HỘI ĐỒNG XÉT XỬ S THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TOẠ PHIÊN TÒA

Nguyễn Quốc H

Nơi nhận :
- TAND tỉnh Tây Ninh;
- VKSND H.Châu THnh;
- THADS H.Châu THnh;
- CA huyện Châu THnh;
- NH tạm giữ Châu THnh;
- Thi Hnh án hình sự;
- Người TGTT;
- S TP;
- Lưu tập án; Lưu hồ S.